

**Phụ lục**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG HOẶC**  
**THAY THẾ, BỊ BỎ TRONG LĨNH VỰC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGƯ THUỘC PHẠM VI**  
**CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số           /QĐ-UBND ngày           /02/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

**1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực thủy sản và kiểm ngư phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường**

| STT | Mã số TTHC                       | Tên TTHC                                                                                                                                                                                                                                           | Thời hạn giải quyết                              | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Phí, lệ phí (nếu có)     | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                              |
|-----|----------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| A   | <b>Thủ tục hành chính cấp xã</b> |                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                          |                                                                                                                                                                                             |
| 01  | 1.014801                         | Cấp, cấp lại Giấy xác nhận nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực (hoạt động trên nội địa thuộc phạm vi quản lý và cơ sở nuôi trồng thủy sản lồng bè thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã) | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã;<br>- Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: <a href="https://dichvucong.gov.vn">https://dichvucong.gov.vn</a> ;<br>- Qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật. | Chưa có văn bản quy định | - Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 146/2025/QH15;<br>- Nghị định số 41/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ. |

**II. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế lĩnh vực thủy sản và kiểm ngư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường**

| STT      | Mã số TTHC                         | Tên TTHC                                     | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Phí, lệ phí<br>(nếu có)  | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                      |
|----------|------------------------------------|----------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>A</b> | <b>Thủ tục hành chính cấp tỉnh</b> |                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                          |                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 01       | 1.004943                           | Công nhận kết quả khảo nghiệm giống thủy sản | <ul style="list-style-type: none"> <li>- 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ để thẩm định hồ sơ, kiểm tra điều kiện khảo nghiệm và phê duyệt đề cương khảo nghiệm, đồng thời cấp phép nhập khẩu giống thủy sản cho tổ chức, cá nhân để phục vụ khảo nghiệm (nếu là sản phẩm nhập khẩu);</li> <li>- 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả khảo nghiệm để tổ chức đánh giá kết quả khảo nghiệm và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định công nhận kết quả khảo nghiệm giống thủy sản.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã;</li> <li>- Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: <a href="https://dichvucong.gov.vn">https://dichvucong.gov.vn</a>;</li> <li>- Qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật.</li> </ul> | Chưa có văn bản quy định | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 146/2025/QH15;</li> <li>- Nghị định số 41/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ.</li> </ul> |

| STT | Mã số TTHC | Tên TTHC                                                                                      | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Phí, lệ phí (nếu có)                               | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                      |
|-----|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 02  | 1.004683   | Công nhận kết quả khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản | <ul style="list-style-type: none"> <li>- 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ để tổ chức thẩm định hồ sơ, kiểm tra điều kiện khảo nghiệm và phê duyệt đề cương khảo nghiệm và cấp phép nhập khẩu thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản cho tổ chức, cá nhân để phục vụ khảo nghiệm (nếu là sản phẩm nhập khẩu);</li> <li>- 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả khảo nghiệm để tổ chức đánh giá kết quả khảo nghiệm và công nhận kết quả khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã;</li> <li>- Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: <a href="https://dichvucong.gov.vn">https://dichvucong.gov.vn</a>;</li> <li>- Qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật.</li> </ul> | Chưa có văn bản quy định                           | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 146/2025/QH15;</li> <li>- Nghị định số 41/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ.</li> </ul> |
| 03  | 1.004915   | Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý     | - Trường hợp cấp Giấy chứng nhận: 09 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền thực                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã;</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Theo quy định của Thông tư số 112/2021/TT-BTC ngày | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số</li> </ul>                                                                                     |

| STT | Mã số TTHC | Tên TTHC                                                                                                                                                                                                                            | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Phí, lệ phí (nếu có)                  | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                         |
|-----|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |            | môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài)                                                                                                                                | <p>hiện việc kiểm tra điều kiện của cơ sở. Trường hợp cơ sở đáp ứng điều kiện, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận.</p> <p>- Trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.</p>                | <p>- Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: <a href="https://dichvucong.gov.vn">https://dichvucong.gov.vn</a>;</p> <p>- Qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật.</p>                        | 15/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính | <p>146/2025/QH15;</p> <p>- Nghị định số 41/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 112/2021/TT-BTC ngày 15/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</p>                              |
| 04  | 1.004918   | Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (trừ cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản bố mẹ, cơ sở sản xuất, ương dưỡng đồng thời giống thủy sản bố mẹ và giống thủy sản không phải là | <p>- Trường hợp cấp Giấy chứng nhận: 09 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc kiểm tra điều kiện của cơ sở. Trường hợp cơ sở đáp ứng điều kiện, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận.</p> | <p>- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã;</p> <p>- Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: <a href="https://dichvucong.gov.vn">https://dichvucong.gov.vn</a>;</p> <p>- Qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân</p> | Chưa có văn bản quy định              | <p>- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 146/2025/QH15;</p> <p>- Nghị định số 41/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ.</p> |

| STT | Mã số TTHC | Tên TTHC                                                            | Thời hạn giải quyết                                                                                                            | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Phí, lệ phí (nếu có)                                            | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                          |
|-----|------------|---------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |            | giống thủy sản bố mẹ)                                               | - Trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.                             | hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 05  | 1.004359   | Cấp, cấp lại Giấy phép khai thác thủy sản                           | - 05 ngày làm việc (đối với cấp mới);<br>- 03 ngày làm việc (đối với cấp lại), kể từ ngày hồ sơ được tiếp nhận đầy đủ, hợp lệ. | - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã;<br>- Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: <a href="https://dichvucong.gov.vn">https://dichvucong.gov.vn</a> ;<br>- Qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật. | Lệ phí cấp mới 40.000 đồng/lần; lệ phí cấp lại 20.000 đồng/lần. | - Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 146/2025/QH15.<br>- Nghị định số 41/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ;<br>- Thông tư số 94/2021/TT-BTC ngày 02/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. |
| 06  | 1.004913   | Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản theo yêu | 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ                                                                               | - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã;                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Chưa có văn bản quy định                                        | - Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 31/2024/QH15, Luật số                                                                                                                                                                                 |

| STT | Mã số TTHC | Tên TTHC                                                                                                                                                                                                                                                       | Thời hạn giải quyết                              | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Phí, lệ phí (nếu có)     | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                      |
|-----|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |            | câu của tổ chức, cá nhân                                                                                                                                                                                                                                       |                                                  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: <a href="https://dichvucong.gov.vn">https://dichvucong.gov.vn</a>;</li> <li>- Qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật.</li> </ul>                          |                          | 43/2024/QH15, Luật số 146/2025/QH15;<br>- Nghị định số 41/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ.                                                                                                                                                 |
| 07  | 1.004692   | Cấp, cấp lại Giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực (hoạt động trên nội địa thuộc phạm vi quản lý từ 02 xã, phường trở lên và cơ sở nuôi trồng thủy sản lồng bè thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Chủ tịch Ủy | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã;</li> <li>- Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: <a href="https://dichvucong.gov.vn">https://dichvucong.gov.vn</a>;</li> <li>- Qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân</li> </ul> | Chưa có văn bản quy định | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 146/2025/QH15;</li> <li>- Nghị định số 41/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ.</li> </ul> |

| STT | Mã số TTHC | Tên TTHC                                                                                                                                                                                     | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Phí, lệ phí (nếu có)                                                                                                                      | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|-----|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |            | ban nhân dân cấp tỉnh)                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| 08  | 1.003741   | Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá (đối với cơ sở đăng kiểm tàu cá trên địa bàn quản lý trừ cơ sở đăng kiểm tàu cá thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý) | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp cấp Giấy chứng nhận: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh kiểm tra thực tế. Trường hợp hồ sơ và điều kiện cơ sở đạt yêu cầu, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh xem xét, quyết định cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá.</li> <li>- Trường hợp điều kiện cơ sở không đạt yêu cầu, cơ sở thực hiện khắc phục và gửi thông báo bằng văn bản đến cơ quan quản lý nhà</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã;</li> <li>- Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: <a href="https://dichvucong.gov.vn">https://dichvucong.gov.vn</a>;</li> <li>- Qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật.</li> </ul> | Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá: 12.450.000 đồng/lần (Theo quy định tại Thông tư số 94/2021/TT-BTC) | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 146/2025/QH15;</li> <li>- Nghị định số 41/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 94/2021/TT-BTC ngày 02/11/2021 của Bộ Tài chính.</li> </ul> |

| STT | Mã số TTHC | Tên TTHC                                                                  | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                         |
|-----|------------|---------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |            |                                                                           | <p>nước về thủy sản cấp tỉnh trong thời hạn 05 ngày làm việc. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo khắc phục, cơ quan có thẩm quyền xem xét, cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá;</p> <p>- Trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.</p>       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                      |                                                                                                                                                                                                        |
| 09  | 1.004697   | Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá | <p>- Trường hợp cấp Giấy chứng nhận: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh kiểm tra, đánh giá thực tế điều kiện cơ sở; nếu đạt yêu cầu thì trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận</p> | <p>- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã;</p> <p>- Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: <a href="https://dichvucong.gov.vn">https://dichvucong.gov.vn</a>;</p> <p>- Qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân</p> | Chưa có quy định     | <p>- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 146/2025/QH15;</p> <p>- Nghị định số 41/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ.</p> |



| STT | Mã số TTHC | Tên TTHC | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Địa điểm thực hiện                            | Phí, lệ phí<br>(nếu có) | Căn cứ pháp lý |
|-----|------------|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|-------------------------|----------------|
|     |            |          | <p>cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá.</p> <p>- Trường hợp cơ sở không đáp ứng đủ điều kiện, cơ sở thực hiện khắc phục và gửi thông báo bằng văn bản đến cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh trong thời hạn 07 ngày làm việc.</p> <p>- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo khắc phục, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, đánh giá điều kiện cơ sở. Trường hợp cơ sở đáp ứng điều kiện, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá.</p> <p>- Trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.</p> | hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật |                         |                |

| STT | Mã số TTHC | Tên TTHC                                                             | Thời hạn giải quyết                              | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                      |
|-----|------------|----------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 10  | 1.004344   | Cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá Việt Nam | 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã;</li> <li>- Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: <a href="https://dichvucong.gov.vn">https://dichvucong.gov.vn</a>;</li> <li>- Qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật</li> </ul> | Chưa có quy định     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 146/2025/QH15;</li> <li>- Nghị định số 41/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ.</li> </ul> |

### III. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực thủy sản và kiểm ngư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường

| STT | Mã số TTHC | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                                                                                                                         | Lĩnh vực | Tên VBQPPL quy định nội dung TTHC          |
|-----|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|--------------------------------------------|
| 1   | 1.004678   | Cấp, cấp lại, gia hạn Giấy phép nuôi trồng thủy sản trên biển cho tổ chức, cá nhân Việt Nam (đối với khu vực biển ngoài 06 hải lý, khu vực biển giáp ranh giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, khu vực biển nằm đồng thời trong và ngoài 06 hải lý) | Thủy sản | Điểm a khoản 20 Điều 14 Luật 146/2025/QH15 |

|   |          |                                                                                                                                                                                         |          |                                                                                                                                                                                                                                                  |
|---|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 2 | 1.004669 | Cấp, cấp lại, gia hạn Giấy phép nuôi trồng thủy sản trên biển đối với nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài                                                   | Thủy sản | Điểm a khoản 20 Điều 14 Luật 146/2025/QH15                                                                                                                                                                                                       |
| 3 | 1.004684 | Cấp, cấp lại, gia hạn Giấy phép nuôi trồng thủy sản trên biển cho tổ chức, cá nhân Việt Nam (trong phạm vi 06 hải lý)                                                                   | Thủy sản | Điểm a khoản 20 Điều 14 Luật 146/2025/QH15                                                                                                                                                                                                       |
| 4 | 1.004056 | Hỗ trợ một lần sau đầu tư đóng mới tàu cá                                                                                                                                               | Thủy sản | Khoản 19 Điều 1 Nghị định số 17/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ                                                                                                                                                                         |
| 5 | 1.003726 | Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá (đối với cơ sở đăng kiểm tàu cá trên địa bàn quản lý trừ cơ sở đăng kiểm tàu cá thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý) | Thủy sản | Điều 42 Nghị định số 41/2026/NĐ-CP Lý do: Gộp chung vào TTHC cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá (đối với cơ sở đăng kiểm tàu cá trên địa bàn quản lý trừ cơ sở đăng kiểm tàu cá thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý) |